

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 590/2019/HC-PT
Ngày: 26 - 8 - 2019
V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Phan Nhựt Bình
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Trương Văn Bình Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 220/2019/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 535/2019/QĐPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 43, ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vương Công H, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L3, xã L4, huyện L5, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 10-8-2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Luật sư Ngô Quốc V, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Hưng - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 84, Đường Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Luật sư Thái Đức G1 - thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1.1 Ông Lương Nguyễn Đăng D1 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

1.2 Ông Văn Tiến D2 - Phó Giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường (vắng mặt).

1.3 Ông Võ Xuân D3 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (có mặt).

1.4 Ông Trần Quang D4 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trịnh Thị Phương T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trịnh Văn Đồng - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trang Văn L, sinh năm: 1939 (xin vắng mặt).

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 144, Tổ 8, ấp C1, xã L2, huyện C, tỉnh Tây Ninh

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Đặng Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 26 tháng 9 năm 2018 của bà Đặng Thị M (có ông Vương Công H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Phần đất tranh chấp diện tích 2.385,2m² có nguồn gốc do cha chồng của bà Đặng Thị M là cụ Vương Toàn A khai phá từ năm 1940, do hoàn cảnh chiến tranh nên quá trình sử dụng đất không liên tục. Năm 1975 cụ A giao cho bà M diện tích khoảng 6.000m² (không có đo đạc thực tế). Năm 1989, bà M giao lại cho ông Vương Công H quản lý sử dụng và ông H cất nhà trên diện tích đất tranh chấp. Năm 1990, cụ A chết, ông H về quê vợ sinh sống và bà M là người tiếp tục sản xuất trên đất này.

Năm 1988, bà M tranh chấp với ông Vương Văn A1 diện tích khoảng 0,6 ha. Kết quả giải quyết tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L2, huyện C, giao cho bà M sử dụng toàn bộ diện tích đất trên, có lập biên bản hòa giải nhưng UBND xã L2 không còn lưu.

Bà M sử dụng đến năm 2004 ông L cấm cọc tranh chấp. Năm 2009 ông L, ông Cừ là địa chính xã cấm cọc chia ranh, bà M khiếu nại. Ngày 28-7-2011, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1731/QĐ-UBND, kết quả giải quyết bà M được sử dụng 3.511,9m², ông L được sử dụng 2.873,2m² là không khách quan. Không đồng ý, ông H (con bà M) khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Ngày 14-5-2018, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1287/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông H, giữ nguyên quyết định của Chủ tịch UBND huyện C.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1287/QĐ-UBND, ngày 14-5-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và hủy một phần Quyết định số 1731/QĐ-UBND, ngày 28-7-2011 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh

Tại Công văn số 1798/UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh trình bày: Giữ nguyên Quyết định số 1287/QĐ-UBND, ngày 14-5-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đặng Thị M.

Tại Công văn số 863/UBND ngày 08 tháng 10 năm 2018, Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Lê Văn X khai khẩn vào năm 1940, diện tích khoảng 0,5 ha. Khi cụ X chết trong thân tộc để lại cho bà S sản xuất nhưng không liên tục. Năm 1975, bà M đến gặp ông G, nguyên Bí thư xã xin đất sản xuất trên diện tích 0,5 ha của bà S, bà M có sản xuất trên đất này đồng thời trong thời gian này ông L cũng sản xuất trên đất này. Năm 1987 bà M khiếu nại yêu cầu được lấy hết đất, UBND xã L2, huyện C giải quyết chia đôi, mỗi bên được sử dụng 0,25ha (đo đạc thực tế bà M được sử dụng 3.511,9m²,

ông L được sử dụng 2.385,2m²). Sau đó, bà M khiếu nại yêu cầu ông L trả lại đất cho bà về hướng đông là 03m, từ đó xảy ra tranh chấp.

Ngày 28-7-2011, Chủ tịch UBND huyện C, ban hành Quyết định số 1731/QĐ-UBND, công nhận bà M được sử dụng diện tích 3.511,9m², ông L được sử dụng diện tích 2.385,2m², không đồng ý bà M khiếu nại. Ngày 14-5-2018 Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, ban hành Quyết định số 1287/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông H, giữ nguyên quyết định của Chủ tịch UBND huyện C.

Do vậy, Chủ tịch UBND huyện C, vẫn giữ nguyên Quyết định số 1731/QĐ-UBND, ngày 28-7-2011 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị M với ông Trang Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trang Văn L, bà Lê Thị S thống nhất trình bày:

Phần đất bà M đang khiếu kiện có nguồn gốc là của ông nội bà S là cụ Lê Văn X khai phá năm 1940. Trước năm 1988 do bà Lưu Thị A2 sử dụng, bà A2 có cho bà M mượn đất sản xuất 02 năm nhưng hết thời hạn bà M không trả. Năm 1988, bà A2 làm đơn khiếu nại bà M tại UBND xã L2, huyện C. Kết quả giải quyết bà M và bà S mỗi người được sử dụng diện tích 0,25ha và vợ chồng ông sử dụng đất từ năm 1988 cho đến nay.

Do đất bị khiếu nại liên tục nên vợ chồng ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M, đồng ý với Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 14-5-2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 28-7-2011 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1287/QĐ-UBND, ngày 14-5-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và hủy một phần Quyết định số 1731/QĐ-UBND, ngày 28-7-2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, người khởi kiện là bà Đặng Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Đặng Thị M (có ông Vương Công H đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà M là luật sư Ngô Quốc V và Luật sư Thái Đức G1 cùng thống nhất phát biểu ý kiến, nguồn gốc đất 2.385,2m² do ông Trang Văn L đang sử dụng là do cha chồng của bà M khai hoang từ năm 1940. Sau đó, để lại bà M sử dụng đến năm 1989, bà M để lại cho ông H tiếp tục canh tác. Phần đất này, bà M và ông L, bà S đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà M có ông E, vợ ông G làm chứng nguồn gốc diện tích đất trên là của gia đình bà M. Trong khi, ông L có khai nhận bắt nhất về thời gian sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện C, UBND tỉnh Tây Ninh căn cứ vào các biên bản hoà giải trước đây của UBND xã để cho rằng đất này đã được chia đôi là không có căn cứ. Do vậy, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, xin vắng mặt. Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có ý kiến đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trang Văn L, bà Lê Thị S, đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt những người này.

Về nội dung: Bà Đặng Thị M (có ông Vương Công H đại diện theo ủy quyền) kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà M và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trang Văn L, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Lê Thị S đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Người khởi kiện bà Đặng Thị M (có ông Vương Công H đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, huỷ một phần Quyết định số 1731/QĐ - UBND ngày 28/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh và huỷ Quyết định số 1287/QĐ - UBND ngày 14/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, với lý do: nguồn gốc diện tích đất 2.385,2m², thửa số 115, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp L1, xã Long Giao, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là do ông Vương Thoàn A (cha chồng bà M) khai phá, sau đó, do chiến tranh nên đất bỏ hoang. Đến năm 1975, bà M gặp ông G (Bí thư xã L2) xin nhận lại phần đất và được ông G cấp cho bà 6.000m². Từ đó, bà M trồng mì, trồng mía liên tục. Năm 2004, ông Trang Văn L tự ý cắm cọc chia ranh chiếm sử dụng 2.385,2m² diện tích đất nhưng UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh lại công nhận cho ông L.

[3] Ngày 28/7/2011, Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1731/QĐ-UBND. Ngày 05/8/2011 bà M nhận được quyết định. Ngày 25/10/2012 bà M có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh là quá thời hạn khiếu nại theo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2005 nhưng ngày 14/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1287/QĐ- UBND, giải quyết khiếu nại với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1731 nêu trên là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, ngày 04/6/2018, bà M khởi kiện tại Toà án yêu cầu huỷ 02 Quyết định nêu trên. Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Tây Ninh có nội dung không thay đổi với Quyết định giải quyết tranh chấp của UBND huyện C. Như vậy, bản chất của 02 Quyết định này cùng giải quyết một vụ việc. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, xác định yêu cầu khởi kiện của bà M còn trong thời hiệu khởi kiện và 02 Quyết định trên là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án là có cơ sở.

[4] Theo khai nhận của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phần diện tích đất mà bà M và ông L đang tranh chấp chưa ai đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, năm 1988, bà Lưu Thị A2 (vợ của ông Vương Văn G2) tranh chấp diện tích 0,5 ha (trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp) với bà M, tại UBND xã L2. Kết quả giải quyết là 0,5 ha diện tích đất nêu trên không có đất của bà A2, chỉ có đất của cụ Lê Văn X (là ông Nội của bà S). Sau đó, UBND xã L2 hoà giải chia cho bà M phần diện tích 3.511,9m² đất; ông L, bà S được 2.385,2m² đất. Từ đó đến năm 2001, các bên sử dụng ổn định không ai tranh chấp và bà Muống cũng như ông L cho những người khác thuê đất canh tác với diện tích đã chia nêu trên.

[6] Tại Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị K2, bà Phạm Thị K3 (BL 117, 118, 119), là những người đã thuê đất của ông L, bà M để canh tác điều khai nhận từ năm trước 1988 các ông bà có thuê đất của gia đình bà M, ông L để trồng thuốc lá với diện tích hai bên đã được chia như trên.

[7] Trong năm 2001, bà S có đơn khiếu nại yêu cầu bà M phải trả phần diện tích đất đang sử dụng (3.255,3m²). Tại biên bản làm việc ngày 18/12/2002, biên bản Hoà giải ngày 07/01/2003 tại xã L2, bà M điều khai nhận kết quả giải quyết năm 1988 diện tích đất chia làm 02 phần, thống nhất giữ nguyên hiện trạng theo kết quả hoà giải năm 1988.

[8] Tại bản khai của ông Võ Thành K4, nguyên là Bí thư xã L2, trưởng ban hoà giải năm 1988; ông Lê Văn K5, ông Nguyễn Văn K6 là những người tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp giữa bà M và vợ chồng ông L, bà S từ năm 2001, năm 2003. Tại buổi hoà giải, các biên bản làm việc, biên bản xác minh, ông K4 xác định kết quả hoà giải tranh chấp vào năm 1988, quyết định chia đất làm 02 phần, bà M được sử dụng 0,25ha (diện tích đo đạc thực tế 3.255,3m²); bà S được sử dụng 0,25ha (diện tích 2.385,2m², đo đạc thực tế 2.271,9m²) (BL 180). Các bên sử dụng từ đó cho đến nay không thay đổi hiện trạng. Những người này đều xác định lời trình bày, chữ ký của bà M trong các biên bản hoà giải ngày 07-01-2003 (BL 86), biên bản làm việc đều do bà M trình bày và ký tên ngày 18-12-2002 (BL 84).

[9] Năm 2005, bà M khiếu nại yêu cầu bà S trả lại phần diện tích đang sử dụng, tại đơn khiếu nại có nội dung (BL 87): "... 1988 bà A2 tranh chấp đất...ông L nói trong này không có đất của chị. Chỉ có là có của ông nội vợ 5 Lọt..."; tại Biên bản hoà giải ngày 21/4/2006, tại UBND xã L2 (BL 82) bà M yêu cầu bà S nhượng lại 0,3m ngang về hướng đông nhưng bà S không đồng ý nên năm 2008, bà M khởi kiện ông L bà S tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu trả thêm 0,3m ngang về hướng Đông. Tuy nhiên, do đất chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân huyện C trả lại đơn khởi

kiện cho bà M. Sau đó, tại UBND xã L2 bà M lại tiếp tục yêu cầu ông L, bà S trả lại 0,3m ngang.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh căn cứ khoản 3, 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, ban hành Quyết định số 1731/QĐ-UBND, ngày 28-7-2011, không chấp nhận khiếu nại của bà M. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 1287/QĐ-UBND, ngày 14-5-2018, bác đơn khiếu nại của bà Đặng Thị M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành và tính có căn cứ của 02 Quyết định nêu trên là phù hợp quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là đúng. Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho lời khai của mình nên yêu cầu kháng cáo của bà M cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M là không có cơ sở chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[11] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà M được miễn theo quy định của pháp luật án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính; Luật đất đai 2003; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị M; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2018/HC-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1287/QĐ-UBND, ngày 14-5-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và hủy một phần Quyết định số 1731/QĐ-UBND, ngày 28-7-2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Đặng Thị M được miễn. Hoàn trả cho bà Đặng Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000599 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị M được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Bình

Nguyễn Văn Minh

Phan Nhựt Bình